

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **251/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-6-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Úy

Ông Nguyễn Hữu Trọng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày **30** tháng **6** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 191/2020/HNGĐ-ST ngày 19/5/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020:

*** Nguyên đơn:** Anh NNB, sinh năm 1993

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: khu 2, xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

*** Bị đơn:** Chị LTD, sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Anh NNB, chị LTD đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh NNB trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị LTD kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ngày 20/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà anh B tại khu 2, xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian đầu, anh B và chị D chung sống hạnh phúc. Sau đó, anh B có giúp chị D tìm việc làm để cuộc sống ổn định nhưng chị D cứ đi làm được một vài buổi lại chán nản, bỏ việc. Anh B đi làm cả ngày còn chị D chưa tìm được việc nên vợ chồng

không thường xuyên nói chuyện, chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cãi nhau. Khoảng tháng 5/2019, chị D tự ý thu dọn quần áo và về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Gia đình anh B cũng đã về nhà chị D để đón chị D và thuyết phục chị D nhưng chị D không đồng ý quay về đoàn tụ cùng anh và gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn với chị D để cả 02 ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị LTD không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn – Chị LTD trình bày:***

Về hôn nhân: Chị thừa nhận quá trình kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như anh B trình bày. Chị thừa nhận sau khi kết hôn thì do anh B đang đi học nên chị D vẫn ở với bố mẹ đẻ tại thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ còn anh B ở tại đơn vị tại Trường Trung cấp Phòng cháy chữa cháy cơ sở II tại xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau khi anh B tốt nghiệp thì vợ chồng chuyển về nhà anh B tại khu 2, xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ chung sống, vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng thì chị D lên Việt Trì, tỉnh Phú Thọ bán hàng và ở tại đó, còn anh B ở cơ quan tại thị xã Phú Thọ, chỉ thỉnh thoảng được nghỉ thì anh B mới lên thăm chị tại Việt Trì.

Khoảng cuối tháng 4/2019, chị biết tin anh B có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị không muốn làm to chuyện, ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của anh B nên chị đã về nhà anh B và gọi anh B về để làm rõ mọi chuyện nhưng anh B cũng không hợp tác, không về để giải quyết. Chị đã tạo điều kiện cho anh B trong 01 tháng để giải quyết nhưng không có kết quả, nên khoảng tháng 5, 6 năm 2019, chị đã dọn về nhà mẹ đẻ tại thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Trong thời gian ly thân, anh B không thể hiện thái độ hối lỗi để vợ chồng đoàn tụ mà thậm chí còn xúc phạm chị. Nay anh B xin ly hôn thì chị cũng xác định tình cảm không còn nhưng anh B cho rằng anh không có lỗi trong việc vợ chồng phải ly thân nên chị D không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị thừa nhận chị và anh B không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh NNB giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị LTD; chị D thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn; ***Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức:*** Anh NNB và chị LTD thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Anh NNB và chị LTD đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho anh NNB được ly hôn chị LTD; *Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét.; *Về án phí:* Anh NNB phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị LTD hiện cư trú tại thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh NNB và chị LTD kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ nên hôn nhân giữa anh B và chị D là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo anh B thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, tháng 6/2019 thì chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị D thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Chị D xác định tình cảm không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh B vì theo chị D, anh B có lỗi với chị nhưng không tỏ thái độ ăn năn, hối lỗi với chị.

Nhận thấy: Anh NNB và chị LTD đã ly thân một thời gian tương đối dài (từ tháng 6/2019 đến nay), anh B và chị D đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đến nay cả hai đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, trong thời gian ly thân, giữa anh B và chị D không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng nên cần xác định mâu thuẫn giữa anh NNB và chị LTD là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh NNB và cho anh NNB được ly hôn chị LTD để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Anh NNB và chị LTD không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh NNB và chị LTD không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh NNB phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh NNB được ly hôn chị LTD.
2. Về con chung: Không xem xét.
3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.
4. Về án phí: Anh NNB phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh NNB đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004777 ngày 19 tháng 5 năm 2020*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh NNB và chị LTD có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long